

Bản án số: 14/2019/DSST

Ngày: 29 - 5- 2019

V/v: Tranh chấp kiện đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Văn Văn

2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2018/TLST- DS ngày 28/12/2018 về việc tranh chấp “*Kiện đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST- DS ngày 18/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐ-HPT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V

Cùng địa chỉ: Thôn L , xã C , huyện B , tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị V là ông Bùi Văn V;

(Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2018)- có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T

Địa chỉ trụ sở: Tổ 21, phường B , thành phố L i, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ ,thành phố L , tỉnh Lào Cai- có mặt

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Lan A

Địa chỉ: Tổ 03, thị trấn B , huyện B , tỉnh Lào Cai

Nơi làm việc: Trung tâm y tế thành phố Lào Cai- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị V, ông Bùi Văn V trình bày:

Công ty TNHH Dược -vật tư y tế T có nhu cầu đầu tư xây dựng phòng khám 108 và kinh doanh thuốc tân dược, ông Nguyễn Trọng T – Giám đốc Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T có đặt vấn đề vay tiền của vợ chồng ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V từ ngày 22/3/2011 đến ngày 30/01/2012 đã vay 17 lần, với tổng số tiền vay là 6.985.000.000đ (*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*) cụ thể như sau:

Giấy vay tiền lần 1: Ngày 22/03/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22/3/2011 đến ngày 22/3/2012, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 2: Cùng trong ngày 22/3/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 22/3/2011 đến ngày 22/3/2012, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/ tháng. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 3: Cùng trong ngày 22/3/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 17/3/2011 đến ngày 17/4/2011, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bên vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 4: Ngày 28/3/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 300.000.00đ (*Ba trăm triệu đồng*), thời hạn vay trong 07 ngày, kể từ ngày 28/3/2011 đến 04/04/2011, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 5: Ngày 10/9/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 330.000.000đ (*Ba trăm ba mươi ba triệu đồng*), thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 10/9/2011 đến ngày 10/10/2011, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 6: Ngày 12/9/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 15 ngày, kể từ ngày 12/9/2011 đến ngày 28/9/2011, trong giấy vay không ghi rõ mức lãi suất mà chỉ ghi lãi suất thỏa thuận, ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 7: Ngày 13/9/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 13/9/2011 đến ngày 28/9/2011, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 8: Ngày 25/9/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong giấy vay thỏa thuận thời hạn vay trong 10 ngày, kể từ ngày 25/9/2011 đến ngày 05/10/2011, hai bên không ghi rõ về mức lãi suất mà chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận và ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 9: Ngày 29/9/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là vay trong 06 ngày kể từ ngày 29/9/2011 đến ngày 05/10/2011, trong giấy vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 10: Ngày 01/11/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng), thời hạn vay là vay trong 06 tháng kể từ ngày 01/11/2011 đến ngày 01/5/2012, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 11: Ngày 29/12/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng, kể từ ngày 29/12/2011 đến ngày 29/02/2012, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 12: Ngày 20/11/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là từ ngày 20/11/2011 đến ngày 20/03/2012, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 13: Ngày 19/12/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) thời hạn vay từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/12/2011, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 14: Ngày 19/12/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 201.000.000đ (Hai trăm lẻ một triệu đồng), thời hạn vay kể từ ngày 19/12/2011 đến ngày 19/03/2012, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 15: Ngày 28/12/2011 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay của số tiền là 577.000.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay kể từ ngày 28/12/2011 đến ngày 28/05/2012, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty.

Giấy vay tiền lần 16: Ngày 07/01/2012 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 07/01/2012 đến ngày 07/03/2012, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty. Tất cả các khoản vay trên Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế T đã trả lãi đến ngày 30/01/2012.

Sau khi vay tiền Công ty không thanh toán được các khoản vay, nên ngày 13/01/2012 Công ty Dược- vật tư y tế T và ông V, bà V đã làm văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai, với số tiền của 16 lần vay là 6.115.000.000đ(*Sáu tỷ một trăm mười lăm triệu đồng*). Hai bên cam kết thời gian trả nợ vào ngày 25/5/2012 nhưng Công ty không thực hiện như cam kết.

Đến ngày 30/01/2012 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay tiếp lần vay thứ 17 với số tiền là 870.000.000đ (*Tám trăm bảy mươi triệu đồng*) thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay đến ngày 30/06/2012 sẽ thanh toán, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty. Như vậy, Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay tiền của vợ chồng ông V, bà V tổng cộng là 17 lần vay, với số tiền gốc là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Sau khi vợ chồng ông V, bà V cho Công ty vay tiền để đầu tư kinh doanh, Công ty đã không thanh toán như đã cam kết. Tại giấy chứng nhận doanh nghiệp số 388/TNHH ngày 23/03/2011 Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T có hai thành viên góp vốn là ông Nguyễn Trọng T 97,6% và chị Nguyễn Thị T 2,4%, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Trọng T, nhưng hiện nay ông Nguyễn Trọng T- đã chết và căn cứ vào Điều 54 Luật Doanh nghiệp hiện hành quy định thì chị Nguyễn Thị T là người thừa kế theo pháp luật của Công ty, là người đại diện cho Công ty TNHH dược- vật tư y tế T.

Ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T phải có nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ gốc đã vay với tổng số tiền là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Đối với khoản tiền lãi xuất nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị T trình bày:

Như đơn khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V số tiền cụ thể như sau:

Giấy vay lần 1: Ngày 22/03/2011 Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T đã vay số tiền là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn). Trong giấy vay ký tên ông Nguyễn Trọng T và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 2: Cùng trong ngày 22/3/2011 ông Nguyễn Trọng T, đã vay số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng chẵn) bên vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 3: Cùng trong ngày 22/3/2011 đã số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn) bên vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 4: Ngày 28/3/2011 đã vay số tiền là 300.000.00đ (Ba trăm triệu đồng). Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 5: Ngày 10/9/2011 đã vay số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T .

Giấy vay lần 6: Ngày 12/9/2011 đã vay số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 7: Ngày 13/9/2011 đã vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T .

Giấy vay tiền lần 8: Ngày 25/9/2011 đã vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược - vật tư y tế T

Giấy vay tiền lần 9: Ngày 29/9/2011 đã vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T .

Giấy vay tiền lần 10: Ngày 01/11/2011 đã vay số tiền là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược-vật tư y tế T .

Giấy vay tiền lần 11: Ngày 29/12/2011 đã vay số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty TNHH dược - vật tư y tế T .

Giấy vay tiền lần 12: Ngày 20/11/2011 đã vay số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược - vật tư y tế T

Giấy vay tiền lần 13: Ngày 19/12/2011 đã vay số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược -vật tư y tế T

Giấy vay tiền lần 14: Ngày 19/12/2011 đã vay số tiền là 201.000.000đ (Hai trăm lẻ một triệu đồng). Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược - vật tư y tế T

Giấy vay tiền lần 15: Ngày 28/12/2011 đã vay của số tiền là 577.000.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T.

Giấy vay tiền lần 16: Ngày 07/01/2012 đã vay số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty TNHH dược- vật tư y tế T .

Tất cả các giấy vay tiền trên đều do ông Nguyễn Trọng T ký và đóng dấu Công ty dược- vật tư y tế T và giữa Công ty và vợ chồng ông V , bà V đã làm văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai, với số tiền là 6.115.000.000đ (*Sáu tỷ một trăm mười lăm triệu đồng*) và cam kết thời gian trả nợ vào ngày 25/5/2012. Trong bản cam kết này ông T ký tên và đóng dấu Công ty. Đến ngày 30/01/2012 Công ty TNHH Dược - vật tư y tế T đã vay tiếp lần vay thứ 17 với số tiền là 870.000.000đ (*Tám trăm bảy mươi triệu đồng*) thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay đến

ngày 30/06/2012 hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng T ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty.

Nay, ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V yêu cầu Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế T phải có trách nhiệm trả số tiền của 17 lần vay là 6.985.000.000đ (*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Tại phiên tòa chị T nhất trí với các khoản vay của Công ty đối với vợ chồng ông V và bà V như ông V trình là đúng. Tuy nhiên, chị T có ý kiến: Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T đã bị phát mại tài sản trước khi ông T chết, Công ty không còn bất cứ tài sản gì. Việc nguyên đơn dựa vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có tên chị để yêu cầu chị phải có nghĩa vụ trả thay cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 6.958.000.000đ (*Sáu tỷ chín trăm năm mươi tám triệu đồng*) là vô lý. Vì, năm 2008 chị T đi học về và làm việc tại Công ty của bố chị T (ông Nguyễn Trọng T) việc ông T làm thủ tục cho tên chị T vào giấy phép đăng ký kinh doanh chị T không biết. Hơn nữa, chỉ dựa vào giấy phép đăng ký kinh doanh chị T chỉ có 2,4% vốn góp thì chị T không phải là người chịu trách nhiệm và chị T cũng không phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Nguyễn Trọng T. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn; bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; thư ký ; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 54 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V.

Buộc Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V số tiền gốc là 6.985.000.000đ (*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 24/12/2018 nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai yêu cầu Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*), vì lý do, Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T đã có giấy biên nhận vay tiền; địa chỉ trụ sở của Công ty: Đường D1, tổ 21, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là tranh chấp "*Kiện đòi lại tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V. Tòa án nhận định: Xác định từ ngày 22/3/2011 đến ngày 30/01/2012 Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T đã vay của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V 17 lần vay, với tổng số tiền gốc là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*), với mục đích kinh doanh và đầu tư xây dựng phòng khám 108 do ông Nguyễn Trọng T làm giám đốc. Trong tất cả các giấy vay tiền ông Nguyễn Trọng T đều ký vào bên người vay tiền và đóng dấu Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T.

Sau khi vay tiền Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T đã trả lãi đến ngày 30/01/2012, còn tiền gốc không thanh toán được khoản vay nào cho ông V và bà V. Ông Nguyễn Trọng T đã rất nhiều lần viết giấy ra hạn khất nợ vào các ngày 29/12/2011, ngày 07/01/2012, ngày 01/8/2012 cho nguyên đơn nhưng Công ty vẫn không trả. Đến ngày 13/01/2012 Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T và vợ chồng ông V, bà V đã làm văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai, với số tiền của 16 lần vay là 6.115.000.000đ(*Sáu tỷ một trăm mười lăm triệu đồng*). Hai bên cam kết thời gian trả nợ vào ngày 25/5/2012, nhưng Công ty vẫn không thực hiện và cùng ngày 25/5/2012 ông Nguyễn Trọng T tiếp tục viết giấy xin ra hạn nợ và cam kết: "*... số nợ và thời hạn trả nợ đã được phòng công chứng số 2 thành phố Lào cai thiết lập ngày 17/01/2012 đến ngày 25/05/2017 tôi phải thanh toán trả nợ bà Vẻ và ông Vược song do điều kiện tình hình tài chính của công ty quá khó khăn nên tôi không thực hiện được cam kết ngày trả nợ cuối cùng là ngày 25/5/2012. Tôi viết giấy này xin gia đình bà Vẻ và ông Vược gia hạn thêm thời gian trả nợ cho tôi thêm 01 tháng kể từ ngày 25/5/2012, trong quá trình thời hạn giãn nợ tôi xin cam kết sẽ lo tìm mọi nguồn để trả nợ cho đúng thời gian gia hạn...*". Tuy nhiên, Công ty vẫn không thực hiện được việc trả nợ cho nguyên đơn như đã cam kết. Đến ngày 30/01/2012 Công ty đã vay tiếp ông V và bà V với số tiền là 870.000.000đ(*Tám trăm bảy mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay đến ngày 30/06/2012, trong giấy vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và ông Nguyễn Trọng T đã ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH dược - vật tư y tế T. Như vậy, Công ty đã vay tiền của vợ chồng ông V, bà V à 17 lần với tổng số tiền gốc đã vay là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi*

lăm triệu đồng) để đầu tư xây dựng công trình phòng khám 108 và mua thuốc tân dược để kinh doanh là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn ông V và bà V đã nộp là các giấy vay tiền và các phiếu thu tiền đều có chữ ký của ông Nguyễn Trọng T và đóng dấu của Công ty TNHH được - vật tư y tế T.

[2.2] Tại giấy chứng nhận doanh nghiệp số 388/TNHH đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 23/03/2011 Công ty TNHH được- vật tư y tế T gồm có hai thành viên góp vốn là ông Nguyễn Trọng T 97,6% và chị Nguyễn Thị T 2,4%, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Trọng T- chức danh Giám đốc. Chị Nguyễn Thị T cho rằng việc ông Nguyễn Trọng T cho tên chị vào giấy phép đăng ký kinh doanh chị không biết là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo hồ sơ góp vốn thì chị T là người có đơn đề nghị góp vốn pháp định vào Công ty TNHH Được- vật tư y tế T với số vốn góp là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), nguồn vốn góp chị Thảo nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S. Tại giấy chứng nhận góp vốn số 01/GNH-CTD ngày 02/09/2012 của Công ty TNHH Được- Vật tư y tế T đã xác định chị Nguyễn Thị T là thành viên sáng lập công ty, có tỷ lệ 2,4% vốn điều lệ, tương đương với số tiền là 168.000.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*) và tại phiên tòa chị cũng thừa nhận theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì chị T có 2,4 % vốn điều lệ, sau khi ông Thành chết công ty không thay đổi loại hình doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở của công ty vẫn ở đường D1, tổ 21, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tại công văn số 06/CV-ĐKKD ngày 08/4/2019 phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai cung cấp: Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cấp ngày 01/11/2012 (có quyết định kèm theo) và tại Quyết định số 05/QĐ- ĐKKD ngày 03/12/2012 Phòng đăng ký kinh doanh đã ra quyết định về việc hủy bỏ kết quả chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 01/11/2012 của Công ty TNHH Được- Vật tư y tế T; khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 23/3/2011) và tại công văn số 15/CV- ĐKKD ngày 14/5/2019 xác định tính đến thời điểm hiện nay Công ty TNHH Được – vật tư y tế T không thực hiện nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định tại điều 203 của Luật doanh nghiệp.

Tại công văn số 393/CCT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thuế thành phố Lào Cai cung cấp: tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2019 Công ty TNHH Được- vật tư y tế T còn nợ ngân sách Nhà nước là: 416.614.583đ (*bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm mười bốn ngàn năm trăm tám ba đồng*), sau khi bị thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH Được- vật tư y tế T không gửi Quyết định giải thể của doanh nghiệp cũng như phương án giải quyết nợ thuế đến Chi cục thuế thành phố Lào Cai. Như vậy, chưa có đủ căn cứ cho rằng Công ty TNHH Được- vật tư y tế T bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 388/TNHH đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 23/03/2011 hay bị giải thể theo quy định tại Điều 203 của Luật Doanh nghiệp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đăng ký doanh nghiệp số 388/TNHH đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 23/03/2011 thì Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T gồm có hai thành viên góp vốn là ông Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trọng T. Tuy nhiên, ông Nguyễn Trọng T- đã chết ngày 06/11/2016, chị Nguyễn Thị T là người thừa kế theo pháp luật của Công ty, là người đại diện cho Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế T là phù hợp với Điều 54 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai của chị Nguyễn Thị T có đủ cơ sở để chứng minh Công ty TNHH Dược-vật tư y tế T còn nợ nguyên đơn số tiền là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*) để đầu tư xây dựng công trình phòng khám 108 và mua thuốc tân dược để kinh doanh, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V tổng số tiền gốc của 17 lần vay là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với các Điều 164; 166 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về khoản tiền lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.985.000đ (*Một trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164; Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 54 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V.

Buộc Công ty TNHH Dược- vật tư y tế T phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V số tiền gốc đã vay là 6.985.000.000đ(*Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*)

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH Dược- Vật tư ý tế T phải chịu 114.985.000đ (*Một trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.492.500đ (*năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005742 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND thành phố(2);
- THA DSTP (1);
- Các đương sự(2);
- Lưu HS VA, Tập án(2).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

